

Số: **305/2019/QĐST-HNGĐ**

Bình Chánh, ngày 05 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. E

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý sơ thẩm số **233/2019/TLST-HNGĐ** ngày **01 tháng 4 năm 2019** về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà **Phạm Thị A**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Nhà không số tổ 2, ấp 4, xã C, Huyện D, TP. E.

- Người yêu cầu: Ông **Phùng Bá B**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Nhà không số tổ 2, ấp 4, xã C, Huyện D, TP. E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc Bà Phạm Thị A và Ông Phùng Bá B thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ghi trong biên bản hòa giải, đối thoại thành ngày **28 tháng 3 năm 2019** tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Ngày **28 tháng 3 năm 2019**, Bà Phạm Thị A và Ông Phùng Bá B lập đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đối thoại thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị A và Ông Phùng Bá B đồng ý thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh P cấp ngày 21/11/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị A và Ông Phùng Bá B xác nhận có 02 con chung là trẻ Phùng Bá V, sinh năm 2007 và trẻ Phùng Thị Thanh T, sinh năm 2012. Bà Liên và ông Luyến cùng thống nhất giao trẻ V và trẻ Tuyền cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà Liên không yêu cầu ông Luyến cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phùng Bá B có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị A và Ông Phùng Bá B xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị A và Ông Phùng Bá B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Phùng Bá B tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Phùng Bá B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số [AA/2017/0046450 ngày 28/3/2019](#) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Phùng Bá B đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Thanh Loan